**BÁO CÁO**

**ĐÁNH GIÁ DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG NHÂN CÔNG XÂY DỰNG**

**6 THÁNG ĐẦU NĂM 2024**

(Kèm theo công văn số 1231/VKT-GXD ngày 20/6/2024 của Viện Kinh tế xây dựng)

**I. Tổng quan về tình hình kinh tế 6 tháng đầu năm 2024**

Các tháng đầu năm 2024 kinh tế thế giới đang dần hồi phục nhưng còn những bấp bênh, nhiều rủi ro, không ổn định. Xung đột quân sự vẫn tiếp diễn, biến động chính trị, căng thẳng thương mại, giá xăng dầu, giá nguyên vật liệu, cước vận tải và đặc biệt là giá vàng thế giới biến động mạnh ảnh hưởng đến lạm phát và việc tăng trưởng kinh tế của thế giới.

Tại Việt Nam, nền kinh tế vẫn đối mặt với những khó khăn thách thức, tổng nhu cầu cầu tiêu dùng vẫn còn chưa phục hồi. Tuy nhiên, Chính phủ, và các Bộ, ngành, địa phương đã có các chính sách, giải pháp chủ động linh hoạt cùng với sự đồng hành, phối hợp chặt chẽ của các doanh nghiệp và các hộ kinh doanh, kinh tế Việt Nam 6 tháng đầu năm 2024 đã có sự phục hồi tích cực ở hầu hết các lĩnh vực theo thời gian.

Sáu tháng đầu năm 2024, tổng sản phẩm trong nướcGDP tăng 6,42%, chỉ thấp hơn tốc độ tăng 6,58% của sáu tháng đầu năm 2022 trong giai đoạn 2020-2024, cao hơn nhiều mức tăng trường cùng kỳ năm 2023 (là 3,84%)**[*[[1]](#footnote-1)*]**.

Đơn vị tính: %

**Hình 1. Tốc độ tăng GDP 6T đầu năm so với cùng kỳ năm trước (%)**

Về cơ cấu nền kinh tế 6 tháng đầu năm 2024, ước tính khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm tỷ trọng 11,55%; khu vực công nghiệp và xây dựng chiếm 36,44%; khu vực dịch vụ chiếm 43,35%; thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm chiếm 8,66% (cơ cấu tương ứng của 6 tháng đầu năm 2023 là 11,64%; 36,46%; 43,10%; 8,80%). Nhìn chung cơ cấu nền kinh tế không có nhiều thay đổi so với cùng kỳ năm trước. **[*[[2]](#footnote-2)*]**

**Hình 2. Cơ cấu nền kinh tế 6T đầu năm 2024(%)**

Sáu tháng đầu năm, giá trị tăng thêm khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 7,51% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó ngành xây dựng tăng 7,34%, đây là mức tăng cao nhất so với cùng kỳ các năm trong giai đoạn 2020-2024, đóng góp 0,48 điểm phần trăm vào tốc độ tăng tổng giá trị tăng thêm toàn nền kinh tế;

Vốn đầu tư thực hiện toàn xã hội theo giá hiện hành sáu tháng đầu năm ước đạt 1.451,3 nghìn tỷ đồng, tăng 6,8% so với cùng kỳ năm trước, bao gồm: Vốn khu vực Nhà nước đạt 392,1 nghìn tỷ đồng, chiếm 27% tổng vốn và tăng 4,8% so với cùng kỳ năm trước; khu vực ngoài Nhà nước đạt 799,6 nghìn tỷ đồng, chiếm 55,1% và tăng 6,7%; khu vực có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài đạt 259,6 nghìn tỷ đồng, chiếm 17,9% và tăng 10,3%.

**Hình 3. *Vốn đầu tư thực hiện toàn xã hội* 6T đầu năm các năm 2020-2024[*[[3]](#footnote-3)*]**

Sau tháng đầu năm, tổng cầu đầu tư của nền kinh tế có tín hiệu tích cực hơn so với cùng kỳ năm 2023. Tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu 6 tháng đầu năm 2024 ước đạt gần 368,53 tỷ USD, tăng 15,7% so với cùng kỳ năm ngoái.

Nền kinh tế 6 tháng đầu năm từng bước phục hồi và ổn định phát triển, lạm phát trong tầm kiểm soát tạo động lực thúc đẩy phát triển kinh tế, là cơ sở thực hiện thành công mục tiêu tăng trưởng và kiểm soát lạm phát cả năm 2024.

Đầu tư công luôn là động lực quan trọng thúc đẩy tăng trưởng của nền kinh tế, nâng cao năng lực sản xuất và sức cạnh tranh của các ngành nghề kinh tế, giải quyết việc làm, phát triển kinh tế - xã hội nhanh và bền vững. Đầu tư công sẽ tiếp tục là yếu tố chính và động lực phát triển mạnh mẽ của nền kinh tế Việt Nam trong giai đoạn hiện tại, cả tương lai gần và xa.

Việc giải ngân vốn đầu tư công các tháng đầu năm vẫn thấp hơn kế hoạch đề ra, ước tính đến 30/6/2024 tỷ lệ giải ngân cả nước mới đạt 28% kế hoạch cả năm. Một trong các yếu tố dẫn đến việc chậm giải ngân liên quan đến cơ chế chính sách, giải phóng mặt bằng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư, nguyên vật liệu xây dựng … Tỷ lệ giải ngân ở các dự án quan trọng quốc gia, dự án trọng điểm giao thông vận tải, dự án giao thông liên vùng do địa phương quản lý còn thấp.

Việc Chính phủ ra công điện và Bộ Tài chính tiếp tục đề nghị các bộ, ngành, địa phương triển khai quyết liệt các giải pháp thúc đẩy giải ngân vốn đầu tư công sẽ thúc đẩy tăng trưởng nền kinh tế các tháng cuối năm 2024.

Trên cơ sở dự toán ngân sách năm 2024 đã được Quốc hội thông qua, Thủ tướng Chính phủ đã giao kế hoạch vốn đầu tư công năm nay với tổng số tiền 677.349 tỷ đồng và kế hoạch giải ngân đạt 95%. Trong đó, vốn đầu tư phát triển hạ tầng giao thông chiếm tỷ trọng lớn, khoảng 422.000 tỷ đồng. Theo kế hoạch thì giải ngân đầu tư công sẽ tiếp tục tăng trưởng khi các dự án giao thông trọng điểm đang tích cực được triển khai. Sẽ tạo hiệu ứng tích cực tới các doanh nghiệp xây dựng nói chung và thị trường nhân công xây dựng nói riêng.

Từ Tết Nguyên đán Giáp Thìn nhiều công trình giao thông trọng điểm đã được thi công xuyên Tết với nhằm đạt và vượt tiến độ như dự án cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2017 - 2020 đoạn Diễn Châu - Bãi Vọt đến ngày 30/6 đã kịp thời đưa vào khai thác 19 km còn lại. Như vậy, toàn bộ 11 dự án thành phần cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2017 – 2020 đã được đưa vào khai thác, nâng tổng số km đường bộ cao tốc trên cả nước lên hơn 2.000 km.

Trong 6 tháng đầu năm, Bộ GTVT đã tiếp tục khởi công xây dựng 7 dự án đường bộ gồm đoạn Rạch Sỏi - Bến Nhất, đoạn Gò Quao - Vĩnh Thuận; cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 28B qua tỉnh Bình Thuận và tỉnh Lâm Đồng; đường tránh phía Đông thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị; nâng cấp tuyến Cao Lãnh - Lộ Tẻ; nâng cấp đoạn Km18 - Km80, Quốc lộ 4B Lạng Sơn; nâng cấp mặt đường tuyến Lộ Tẻ - Rạch Sỏi; Chợ Chu - Ngã ba Trung Sơn.

Các dự án cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025 được chia thành 12 dự án thành phần với tổng chiều dài 723,7 km tuyến chính,  trải dài qua địa bàn 9 tỉnh là Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị, Quảng Ngãi, Phú Yên, Bình Định, Khánh Hòa, Hậu Giang, Cà Mau gồm các đoạn: Hà Tĩnh - Quảng Trị (260,9 km), Quảng Ngãi - Nha Trang (352,06 km) và Cần Thơ - Cà Mau (110,9 km) với tổng mức đầu tư khoảng hơn 146.985 tỷ đồng vẫn tiếp tục được khẩn trương thực hiện. Các dự án đường bộ cao tốc trục Đông-Tây vẫn đang tiếp tục thi công, tuy nhiên tiến độ triển khai còn chậm hơn kế hoạch.

Về đường sắt, đang triển khai thi công đảm bảo tiến độ 06 dự án đường sắt giai đoạn 2021-2025, gồm dự án cải tạo, nâng cấp đường sắt đoạn Hà Nội - Vinh; dự án nâng cấp, cải tạo đoạn Vinh - Nha Trang; dự án nâng cấp, cải tạo đoạn Nha Trang - Sài Gòn (cùng thuộc tuyến đường sắt quốc gia Bắc - Nam); dự án cải tạo 7 nhà ga phía Bắc thuộc tuyến Hà Nội - Hải Phòng, Hà Nội - Đồng Đăng, Yên Viên - Lào Cai; dự án Cải tạo, nâng cấp đường sắt khu vực đèo Khe Nét; dự án nâng cấp tuyến vận tải thủy sông Đuống (cầu đường sắt Đuống).

Hai dự án đường sắt đô thị Hà Nội và TP Hồ Chí Minh đang được tập trung thực hiện, tuyến Nhổn - Ga Hà Nội dự định đưa vào khai thác tháng 7/2024, tuyến Bến Thành - Suối Tiên dự định đưa vào khai thác tháng 12/2024.

Về hàng không, gói thầu 5.10 “Thi công xây dựng và lắp đặt thiết bị công trình Nhà ga hành khách” dự án Cảng Hàng không Quốc tế Long Thành đang thi công vượt tiến độ so với hợp đồng, phấn đấu năm 2026 tập trung hoàn thiện, bàn giao đưa vào khai thác theo như kế hoạch, dự án T3 Cảng Hàng không Quốc tế Tân Sơn Nhất đảm bảo tiến độ.

Về hàng hải, đường thủy nội địa, các dự án cải tạo nâng cấp tuyến luồng Cái Mép - Thị Vải và dự án cải tạo, nâng cấp luồng hàng hải vào các bến cảng khu vực Nam Nghi Sơn đảm bảo tiến độ;

Việc các dự án xây dựng hạ tầng giao thông quan trọng được đưa vào danh sách các dự án trọng điểm thể hiện tầm quan trọng của giao thông đối với sự phát triển của một quốc gia.

Đối với nền kinh tế đang phát triển như Việt Nam, đầu tư công trong lĩnh vực xây dựng hạ tầng vẫn luôn là là yếu tố quan trọng hỗ trợ tăng trưởng kinh tế nói chung và tăng trưởng lĩnh vực xây dựng nói riêng, ảnh hưởng không nhỏ đến thị trường nhân công xây dựng.

Cùng với việc đẩy nhanh giải ngân vốn đầu tư công, giảm mặt bằng lãi suất, những tín hiệu khởi sắc trong lĩnh vực xây dựng, các doanh nghiệp xây dựng đang có quyền hy vọng vào khởi đầu cho một chu kỳ tăng trưởng mới của ngành xây dựng từ năm 2024. Những doanh nghiệp trụ cột của ngành xây dựng như Conteccons, Vinaconex, Ricons, Delta, Hòa Bình, Udic… và một số các doanh nghiệp đứng đầu về xây dựng hạ tầng - công nghiệp như Tổng công ty XD số 1 - CTCP, Cienco4, Công ty CP Đèo Cả … với năng lực tài chính ổn định đã và đang nỗ lực rất lớn, vượt qua khó khăn chồng chất vì sự suy giảm nguồn cung bắt đầu từ năm 2019, đại dịch Covid-19, biến động giá nguyên vật liệu để đạt được thành công trong việc cung cấp sản phẩm tốt cho khách hàng, tăng thêm uy tín với nhà đầu tư.

Việt Nam hiện đang sở hữu vị trí chiến lược là cửa ngõ giao thương, cảng hàng không quốc tế Long Thành sẽ đưa vào khai thác trong vài năm tới cùng với việc hoàn thiện kết nối hạ tầng khu vực với các cao tốc, các dự án đường vành đai kỳ vọng sẽ đưa khu vực miền Nam thu hút FDI mạnh mẽ hơn.

Từ đầu năm 2024, thị trường bất động sản khu công nghiệp tiếp tục tăng trưởng mạnh mẽ ở cả 2 miền Nam và Bắc khi các nhà đầu tư nước ngoài có xu hướng đầu tư vào các chuỗi nhà máy, dây chuyền sản xuất công nghiệp tại Việt Nam.

Nhiều dự án hạ tầng khu công nghiệp mới đang được triển khai tại Nghi Sơn Thanh Hóa, Hải Dương, Hà Nội, Bình Dương, Nam Định, Hải Phòng, Đồng Nai…

Việc thị trường bất động sản khu công nghiệp tiếp tục tăng trưởng cũng như nhiều dự án hạ tầng KCN đang được triển khai là góp phần thúc đẩy sự phát triển của ngành xây dựng.

Từ Quý 1/2024, thị trường bất động sản đã có những tín hiệu tích cực, nhu cầu tìm mua chung cư ở Hà Nội, TP Hồ Chí Minh tăng cao cũng như có chuyển biến tích cực ở giao dịch nhà riêng. Bất động sản nghỉ dưỡng vẫn tiếp tục là loại hình thiếu tích cực nhất nhất trên thị trường bất động sản 6 tháng đầu năm 2024. Tuy nhiên, thị trường này cũng đã bắt đầu có những tín hiệu phục hồi nhất định. Trong đó, biệt thự nghỉ dưỡng và nhà shophouse ghi nhận sự phục hồi rõ nét hơn so với condotel.

Cùng với lĩnh vực xây dựng hạ tầng giao thông, lĩnh vực bất động sản KCN, hạ tầng khu công nghiệp cũng như thị trường bất động sản nói chung phát triển là các yếu tố quan thúc đẩy ngành xây dựng phát triển trong các tháng đầu năm 2024.

**II. Diễn biến thị trường lao động ngành xây dựng 6 tháng đầu 2024**

Từ Quý 1/2024, tình hình lao động việc làm đã có nhiều tín hiệu tích cực, với xu hướng phát triển bình thường như trước dịch COVID-19, nhu cầu tuyển dụng lao động nói chung của các doanh nghiệp tăng lên so với cùng kỳ năm trước.

Lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên sáu tháng đầu năm 2024 ước 52,5 triệu người, tăng 196,6 nghìn người so với cùng kỳ năm trước; tỷ lệ tham gia lực lượng lao động khoảng 68,5%, không có nhiều thay đổi so với cùng kỳ năm 2023, tỷ lệ lao động đã qua đào tạo có bằng cấp chứng chỉ khoảng 28%, tăng 1,4 điểm phần trăm so với cùng kỳ năm 2023; lao động có việc làm là 51,4 triệu người, tăng 195,7 nghìn người so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, khu vực thành thị là khoảng 20,16 triệu người, tăng 698 nghìn người so với cùng kỳ năm trước; khu vực nông thôn là 32,3 triệu người, giảm 501 nghìn người. Lao động nữ là 24,6 triệu người, tăng 86,4 nghìn người, lao động nam khoảng 27,9 triệu người tăng 110 nghìn người. Thu nhập bình quân của người lao động 7,5 triệu đồng/tháng, tăng 7,4%, tăng khoảng 519 nghìn đồng so với cùng kỳ năm 2023.

***II.1. Lực lượng lao động ngành xây dựng và chất lượng***

Nguồn nhân lực luôn được coi là yếu tố quan trọng của nền kinh tế. Nguồn nhân lực là một trong các yếu tố quan trọng nhất để nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia. Tại Việt Nam, lực lượng lao động dồi dào và cơ cấu lao động trẻ là một lợi thế lớn. Tuy nhiên, nhìn chung, nguồn nhân lực của chúng ta còn yếu về chất lượng như thiếu hụt lao động có tay nghề cao, chưa đáp ứng được nhu cầu ngày càng cao của thị trường lao động, lao động thiếu năng động và sáng tạo, tác phong còn thiếu chuyên nghiệp và thiếu cả các kỹ năng mềm. Thị trường lao động ngành xây dựng không phải ngoại lệ.

Việt Nam hiện tại vẫn là một quốc gia đang phát triển, vì vậy trong những năm tới, nhu cầu về xây dựng của chúng ta còn tăng cao, đòi hỏi lớn lực lượng lao động. Theo ý kiến của nhiều chuyên gia thì với tốc độ phát triển như hiện nay thì đến năm 2030, số lượng lao động làm việc trong ngành xây dựng (bao gồm người lao động trực tiếp trong các lĩnh vực hoạt động xây dựng, lực lượng lao động gián tiếp gián tiếp, cán bộ tư vấn…) có thể đạt tới con số khoảng 12 - 13 triệu người. Trong đó, mục tiêu đến năm 2030 tỷ lệ lao động ngành xây dựng qua đào tạo tiến tới mục tiêu khoảng 75%.

***II.1.1. Lực lượng lao động phân theo giới tính và theo khu vực***

Các tháng đầu năm 2024, lực lượng lao động toàn xã hội có xu hướng tăng so với cùng năm trước. Lĩnh vực xây dựng đã có những dấu hiệu tích cực, giá trị tăng thêm ngành xây dựng 7,34%, đây là mức tăng cao nhất so với cùng kỳ các năm trong giai đoạn 2020-2024. Thị trường lao động ngành xây dựng trở nên sôi động hơn, đặc biệt trong trong lĩnh vực xây dựng hạ tầng giao thông cùng với lĩnh vực hạ tầng khu công nghiệp, khu vực nhà ở dân dụng và bất động sản khu công nghiệp.

**Bảng 1. Lực lượng lao động trực tiếp ngành xây dựng**

*Đơn vị tính: triệu người*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Nội dung | 6 tháng  đầu năm 2023 | 6 tháng  cuối năm 2023 | 6 tháng  đầu năm 2024 |
| LLLĐ ngành xây dựng: | 2,56 | 2,58 | 2,59 |
| - Nam | 1,74 | 1,74 | 1,75 |
| - Nữ | 0,82 | 0,84 | 0,84 |
| - Thành thị | 0,99 | 0,99 | 0,98 |
| - Nông thôn | 1,57 | 1,59 | 1,61 |

*Đơn vị tính: triệu người*

**Hình 4. Biều đồ lực lượng lao động ngành xây dựng phân theo giới tính và khu vực**

Nhìn chung cơ cấu lực lượng lao động trực tiếp ngành xây dựng phân theo giới tính và khu vực không có nhiều biến động so với cùng kỳ năm 2023

***II.1.2. Chất lượng lao động ngành xây dựng:***

Bên cạnh những yêu cầu về trình độ chuyên môn, người sử dụng lao động cũng yêu cầu người lao động phải có kỷ luật lao động, kỹ năng nghề nghiệp, kỹ năng mềm. Việc cạnh tranh trên thị trường lao động nói chung và thị trường xây dựng nói riêng sẽ buộc người lao động tự trau dồi trong quá trình học tập và làm việc để có thể tồn tại trong nền kinh tế thị trường ngày càng mở.

Mặc dù thời gian qua, chất lượng lao động ngành xây dựng ngày một cải thiện, đáp ứng phần nào nhu cầu ngày càng cao của thị trường. Tuy nhiên, có thể nói hiện nay năng lực và tính chuyên nghiệp của công nhân xây dựng cũng còn nhiều hạn chế, chưa đáp ứng được nhu cầu của thị trường. Hiện nay, công nhân trực tiếp ngành xây dựng vẫn chủ yếu là lao động thời vụ làm việc theo dự án, công trình, chiếm tới khoảng 75%. Những người lao động này tranh thủ lúc nông nhàn để kiếm thêm thu nhập, họ không có tay nghề vì vậy phần lớn chỉ có thể làm được các công việc thủ công.

Đặc thù của ngành xây dựng là tính chất lưu động nay đây mai đó, không ổn định (chịu ảnh hưởng của thời tiết), nặng nhọc, bên cạnh đó thu nhập thấp nên khó thu hút lao động hơn các ngành sản xuất khác như các khu chế xuất, khu công nghiệp. Ở nhiều dự án, công nhân xây dựng là những người dân tộc, không biết tiếng phổ thông nên cũng gây nhiều khó khăn trong sinh hoạt và sản xuất, ảnh hưởng trực tiếp tiếp đến chất lượng và tiến độ thi công công trình.

Ở các dự án lớn yêu cầu cao về kỹ thuật, đơn cử như dự án sân bay Long Thành 48% lao động Việt Nam chỉ làm công tác đào đắp san nền hoặc một số việc thủ công khác, các công việc có yêu cầu về kỹ thuật như lắp dựng kết cấu thép, hay thợ hàn… phần lớn đều là các công nhân nước ngoài.

**II.2. Thu nhập bình quân của lao động ngành xây dựng**

Thu nhập bình quân của người lao động 7,5 triệu đồng/tháng, tăng 7,4%, tăng khoảng 519 nghìn đồng so với cùng kỳ năm 2023.

Thu nhập của lao động trực tiếp ngành xây dựng vẫn nằm trong khoảng trung bình thấp so với các ngành nghề khác, ước khoảng 6,8 -7,5 triệu đồng/tháng, tăng khoảng 7% so với cùng kỳ năm trước.

Theo số liệu điều tra của nhóm khảo sát, thì thu nhập bình quân của công nhân ngành xây dựng thì lao động phổ thông có thu nhập bình quân khoảng 6,0 - 6,5 triệu đồng/tháng. Lao động có tay nghề thu nhập bình quân khoảng 7,1 - 7,7 triệu đồng/tháng. Thợ có tay nghề cao thu nhập khoảng 12 - 15 triệu đồng/tháng, tăng khoảng 6% - 8% so với cùng kỳ năm 2023.

**II.3. Đánh giá về thị trường nhân công xây dựng 6 tháng đầu năm 2024**

Nền kinh tế 6 tháng đầu năm từng bước phục hồi và ổn định phát triển, lạm phát trong tầm kiểm soát tạo động lực thúc đẩy phát triển kinh tế, là cơ sở thực hiện thành công mục tiêu tăng trưởng và kiểm soát lạm phát cả năm 2024.

6 tháng đầu năm 2024, giá trị tăng thêm ngành xây dựng là 7,34%, đóng góp lớn vào sự tăng trưởng chung của nền kinh tế nước ta. Xác định đầu tư công luôn là động lực quan trọng thúc đẩy tăng trưởng của nền kinh tế, Chính phủ ra công điện và Bộ Tài chính tiếp tục đề nghị các bộ, ngành, địa phương triển khai quyết liệt các giải pháp thúc đẩy giải ngân vốn đầu tư công các tháng đầu năm. Hoạt động sản xuất xây dựng các tháng đầu năm tương đối tích cực, thị trường lao động ngành xây dựng cũng nhộn nhịp như trước khi có dịch Covid-19. Trong đó, lĩnh vực hạ tầng giao thông vẫn là khu vực hoạt động tích cực nhất.

**III. Một số thông tin về thị trường lao động và một số chính sách có liên quan đến tình hình thị trường lao động ngành xây dựng 6 tháng đầu năm 2024**

Đến nay (30/6/2024), Nghị định số 38/2022/NĐ-CP về quy định mức lương tối thiểu đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động vẫn còn hiệu lực thi hành chưa có thay đổi. Bộ Lao động TBXH đang đề xuất Chính phủ điều chỉnh mức lương tối thiểu vùng tăng bình quân 6% từ 01/7/2024.

Các tháng đầu năm 2024 cuối năm một số địa phương tiếp tục thực hiện công bố đơn giá nhân công xây dựng theo hướng dẫn tại Thông tư số 13/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021.

**III.1. Một số chính sách, văn bản về lao động, tiền lương nhân công xây dựng**

Từ khi Thông tư số 13/2021/TT-BXD có hiệu lực, đã có 63/63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có các văn bản hướng dẫn công bố đơn giá nhân công theo hướng dẫn tại Phụ lục IV Thông tư 13/2021/TT-BXD với đơn giá nhân công bình quân được các địa phương công bố đều nằm trong khung đơn giá nhân công theo hướng dẫn tại Phụ lục IV Thông tư 13.

**III.2. Giá nhân công xây dựng tính theo đơn vị sản phẩm và trình độ tay nghề trên thị trường lao động 6 tháng đầu năm 2024**

***III.2.1. Giá nhân công xây dựng tính theo đơn vị sản phẩm trên thị trường lao động ở các khu vực kinh tế trọng điểm****[[[4]](#footnote-4)].*

*Đơn vị tính: 1.000 đồng*

| STT | Nhân công thực hiện  công tác | Đơn vị | Đơn giá | | |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Khu vực miền Bắc | Khu vực miền Nam | Khu vực miền Trung |
| Hà Nội | TP. HCM | Đà Nẵng |
| 1 | Xây tường 220mm | m3 | 600-650 | 750-830 | 550-640 |
| 2 | Xây tường 110mm | m3 | 710 | 830 | 640-700 |
| 3 | Xây gạch không nung | m3 | 650 | 630 | 570 |
| 4 | Trát tường trong nhà | m2 | 90 | 90 | 70 |
| 5 | Trát trần, dầm, cột | m2 | 95 | 100 | 75 |
| 6 | Trát tường ngoài nhà không trừ cửa sổ và các lỗ (chưa có công bắc giáo) | m2 | 95 | 95 | 85 |
| 7 | Tháo lắp giáo | m2 | 25 | 28 | 22 |
| 8 | Ốp | m2 | 130 | 135 | 100 |
| 9 | Lát | m2 | 100 | 100 | 85 |
| 10 | Xây bậc thang (chiều dài bậc 1÷1,2m) | bậc | 90 | 95 | 85 |
| 11 | Trát bậc thang (chiều dài bậc 1÷1,2m) | m2 | 85 | 85 | 65 |
| 12 | Làm granito bao gồm trát lót | m2 | 245 | 245 | 220 |
| 13 | Làm cốp pha | m2 | 95 | 100 | 85 |
| 14 | Làm cốt thép | kg | 3,0 | 4,0 | 3,0 |
| 15 | Đổ bê tông móng | m3 | 135 | 140 | 110 |
| 16 | Đổ bê tông sàn, dầm | m3 | 165 | 170 | 140 |
| 17 | Đổ bê tông cột | m3 | 250 | 250 | 200 |
| 18 | Làm điện | m2 | 160 | 150 | 120 |
| 19 | Làm nước | m2 | 150 | 150 | 110 |

Qua số liệu khảo sát mà nhóm khảo sát thực tế thu thập giá nhân công bình quân cho một đơn vị sản phẩm tại các khu vực kinh tế trọng điểm tăng so với cùng kỳ năm 2023 khoảng 6,5% - 8,5%.

***III.2.2 Giá nhân công xây dựng theo trình độ tay nghề qua khảo sát trên thị trường lao động ở một số địa phương****[[[5]](#footnote-5)].*

*Đơn vị tính: 1.000 đồng*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Trình độ tay nghề | Công trình dân dụng | | |
| **Khu vực miền Bắc** | **Khu vực miền Nam** | **Khu vực miền Trung** |
| **Hà Nội** | **TP. HCM** | **Đà Nẵng** |
| 1 | Nhân công có tay nghề thấp | 290-315 | 310-340 | 270-290 |
| 2 | Nhân công có tay nghề trung bình | 360-400 | 390-420 | 310-350 |
| 3 | Nhân công có tay nghề cao | 450-490 | 480-510 | 410-450 |

Theo số liệu khảo sát mà nhóm khảo sát điều tra thu thập được, đơn giá ngày công trả cho người lao động tăng so cùng kỳ với năm 2023 khoảng 7%.

**III.3. Về đơn giá nhân công các địa phương theo công bố và mức lương tối thiểu quy định tại Nghị định số 38/2022/NĐ-CP**

Cho tới 30/6/2024, 63/63 địa phương công bố đơn giá nhân công trên cơ sở khảo sát giá nhân công thị trường, một số địa phương hàng năm đã khảo sát đơn giá nhân công trên địa bàn kịp thời công bố để bám sát với thực tế thị trường như Bình Định, Kon Tum, Lâm Đồng, Lạng Sơn, Quảng Bình… Hầu hết đơn giá nhân công bình quân được các địa phương công bố đều nằm trong khung đơn giá nhân công theo hướng dẫn tại Phụ lục IV Thông tư 13 của Bộ Xây dựng.

**Bảng 2. Danh sách các tỉnh khảo sát, công bố nhân công trong năm 2024***[[[6]](#footnote-6)]*

| **STT** | **Địa phương** | **Văn bản/quyết định công bố nhân công năm 2024** | **Mức độ tăng bình quân so với công bố nhân công trước đó (%)** |
| --- | --- | --- | --- |
| 1 | Bạc Liêu | Quyết định 91/QĐ-SXD ngày 27/12/2023 | 6,5 |
| 2 | Bến Tre | Quyết định 355/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 | 6,2 |
| 3 | Cao Bằng | Quyết định 06/QĐ-UBND ngày 02/01/2024 | 12,1 |
| 4 | Cà Mau | Quyết định 465/QĐ-SXD ngày 29/12/2023 | 5,1 |
| 5 | Đắk Lắk | Văn bản 104/SXD-KTVLXD ngày 12/01/2024 | 2,9 |
| 6 | Kiên Giang | Quyết định 1586/QĐ-UBND ngày 29/5/2024 | 27,0 |
| 7 | Kon Tum | Quyết định 48/SXD-QLXD ngày 11/01/2024 | 1,5 |
| 8 | Lâm Đồng | Quyết định số 09/QĐ-SXD ngày 11/01/2024 | 0,2 |
| 9 | Lạng Sơn | Quyết định 20/SXD-QLXD ngày 15/01/2024 | 5,2 |
| 10 | Quảng Bình | Quyết định số 66/QĐ-SXD ngày 12/01/2024 | 5,7 |
| 11 | Quảng Nam | Quyết định số 258/QĐ-SXD ngày 25/12/2023 | 7,0 |
| 12 | Quảng Ngãi | Quyết định 321/QĐ-UBND ngày 19/4/2024 | 6,3 |
| 13 | Quảng Trị | Quyết định 89/QĐ-UBND ngày 15/01/2024 | 16,4 |
| 14 | Thái Bình | Quyết định 01/QĐ-SXD ngày 12/01/2024 | 3,0 |
| 15 | Thừa Thiên Huế | Quyết định 3207/QĐ-UBND ngày 30/12/2023 | 8,3 |
| 16 | Vĩnh Long | Quyết định số 190/QĐ-SXD ngày 29/12/2023 | 4,1 |
| 17 | Yên Bái | Quyết định số 01/QĐ-SXD ngày 04/01/2024 | 2,0 |

Theo như số liệu tính toán của nhóm nghiên cứu thể hiện tại Bảng 2, thì đơn giá nhân công xây dựng bình quân công bố của các địa phương 6 tháng đầu năm 2024 tăng so với công bố thời điểm trước đó từ 0,2% - 27,0%, mức tăng thấp nhất là tỉnh Lâm Đồng (0,2%), mức tăng cao nhất là Kiên Giang (27,0%). Tỉnh Lâm Đồng hàng năm đều có khảo sát đơn giá nhân công thị trường để công bố, nhìn chung không có biến động, mỗi năm tăng khoảng 0,2% so với năm trước. Các tỉnh có mức tăng cao nhất là Cao Bằng (12,1%), Quảng Trị (16,4%) là do so sánh với mức công bố nhân công đã công bố năm 2021.

Riêng đối với Kiên Giang tăng khoảng 27,0% so với mức công bố nhân công năm 2021, đồng thời địa phương đã khảo sát nhân công thị trường khu vực hải đảo thuộc vùng 2 và vùng 3 để công bố cho phù hợp với thực tế thị trường, đảm bảo quyền lợi cho người lao động cũng như các doanh nghiệp xây dựng.

Còn lại phần lớn các địa phương đều có mức tăng công bố nhân công trong khoảng 5% - 8%. Hầu hết đơn giá nhân công của các địa phương công bố nằm trong khung đơn giá nhân công do Bộ Xây dựng quy định, ngoại trừ Vùng 1 (khu vực 1) của Hà Nội có đơn giá nhân công bình quân tăng hơn với mức max khung đơn giá khoảng 3,4%.

Thông tư số 13/2021/TT-BXD (TT13/2021) của Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định đơn giá nhân công trong quản lý chi phí đầu tư xây dựng có hiệu lực thi hành kể từ 15/10/2021, trong đó có khung giá nhân công xây dựng để các địa phương tham khảo khi công bố đơn giá nhân công. Mặc dù đây là khung đơn giá để các địa phương tham khảo nhưng không có địa phương nào công bố vượt mức max của khung, ngoại trừ Vùng 1 (khu vực 1) của Hà Nội.

Từ 15/10/2021 đến nay đã trải gần 4 năm với nhiều thay đổi về mức độ biến động giá cả CPI, tỷ lệ lạm phát hàng năm khoảng trên 3% nhưng khung đơn giá nhân công vẫn không thay đổi. Điều này là một trong các yếu tố gây trở ngại tới các địa phương khi khảo sát nhân công thị trường để công bố, ảnh hưởng trực tiếp đến quyền lợi của doanh nghiệp và người lao động.

**Bảng 3. Lạm phát các năm 2021 đến nay***[[[7]](#footnote-7)]*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Năm | 2021 | 2022 | 2023 | 6T năm 2024 |
| Lạm phát so với năm liền kề (%) | 1,84 | 3,15 | 3,25 | 2,75 |

Qua bảng số liệu nêu trên cho thấy, so với năm 2021 (từ khi Thông tư 13 có hiệu lực), tỷ lệ lạm phát cơ bản tăng khoảng 9,4%.

Bên cạnh đó, nhằm đảm bảo mức sống tối thiểu cho người lao động và gia đình họ, Bộ LĐTBXH cho rằng điều chỉnh tăng lương tối thiểu vùng là rất cần thiết và đang đề xuất Chính phủ điều chỉnh mức lương tối thiểu vùng tăng bình quân 6% từ 01/7/2024. Vì vậy rất cần thiết để Bộ Xây dựng nghiên cứu điều chỉnh kịp thời khung đơn giá nhân công (cả mức min và mức max) làm cơ sở để các địa phương công bố đơn giá nhân công cho phù hợp với thực tế thị trường.

**IV. Một số nhận xét đánh giá chung**

Các tháng đầu năm 2024 là khoảng thời gian có các tín hiệu khởi sắc trong lĩnh vực xây dựng, tuy chưa đạt được kết quả rực rỡ nhưng kỳ vọng vào bước khởi đầu cho một chu kỳ tăng trưởng mới của ngành xây dựng. Những doanh nghiệp lớn của ngành xây dựng đã và đang phấn đấu để đạt hiệu quả về mặt tài chính, về uy tín với chủ đầu tư.

Việc Chính phủ ưu tiên phát triển hệ thống hạ tầng giao thông, hàng loạt dự án đường bộ, đường sắt với tổng mức đầu tư lớn được đẩy mạnh triển khai thi công hoặc mở mới cũng như việc thúc đẩy tiến độ giải ngân vốn đầu tư công là một yếu tố quan trọng thúc đẩy lĩnh vực xây dựng phát triển. Cùng với đó, thị trường bất động sản đã thoát khỏi tình trạng đóng băng (trong đó thị trường bất động sản công nghiệp ở vị thế dẫn đầu, bất động sản nghỉ dưỡng tiếp tục trầm lắng nhất), các giao dịch đã nhộn nhịp trở lại, thu hút nhiều nhà đầu tư và người dân quan tâm.

Thị trường lao động ngành xây dựng cũng vì vậy mà trở nên nhộn nhịp sôi động hơn cùng kỳ năm trước, trở lại guồng quay như trước khi có đại dịch Covid-19.

Thu nhập bình quân của lao động ngành xây dựng tăng khoảng 7% so với cùng kỳ năm trước.

Như chúng ta đã biết, đặc thù của ngành xây dựng là tính chất lưu động nay đây mai đó, làm việc ngoài trời, sản phẩm xây dựng là đơn chiếc), tính chất công việc nặng nhọc, bên cạnh đó thu nhập ở mức trung bình thấp hơn ngành sản xuất khác nên khó thu hút lao động. Hiện nay lớp trẻ chưa qua đào tạo có xu hướng làm việc ở khu chế xuất, khu công nghiệp tại địa phương, vừa gần gia đình, được tham gia bảo hiểm, không quá vất vả, lại có thu nhập cao hơn làm công nhân xây dựng. Vì vậy nguồn nhân lực trẻ cho ngành xây dựng cũng là một vấn đề đáng lưu tâm trong khi lao động là yếu tố quan trọng quyết định chất lượng công trình.

Hiện tại, ngành xây dựng đã và đang trở thành ngành kinh tế mũi nhọn của đất nước, việc đầu tư xây dựng ở Việt Nam trong những năm tới cả về trung và dài hạn đang trên đà phát triển, vì vậy nhu cầu nhân lực của ngành xây dựng ngày càng tăng cả về số lượng và chất lượng. Để thu hút nhân lực thì yếu tố quan trọng nhất chính là thu nhập cho người lao động, chính sách về tiền lương, chính sách khuyến khích đối với người lao động có tay nghề.

Có một thực tế vẫn đang diễn ra trong lĩnh vực xây dựng, mặc dù các doanh nghiệp xây dựng đang đảm nhận việc thực hiện phần lớn tổng vốn đầu tư toàn xã hội (khoảng 60 - 65% GDP), nhưng không phải lúc nào cũng có công việc. Vì vậy phần lớn các doanh nghiệp đều thuê lao động thời vụ khi có dự án để tính toán hiệu quả chi phí mà không có đội ngũ lao động hưởng lương, điều này cũng phần nào ảnh hưởng đến chất lượng lao động. Tuy nhiên, với doanh nghiệp có đội ngũ lao động hưởng lương nhưng nếu không có việc thì vẫn phải duy trì, trả lương và lúc đó sẽ phải giải quyết bài toán kinh tế. Đây luôn là bài toán khó cho các doanh nghiệp ngành xây dựng. Theo tìm hiểu và khảo sát của chúng tôi, một số ông lớn trong ngành xây dựng có đội thợ chuyên nghiệp ký hợp đồng dài hạn như Tổng CTCP công trình Viettel, Conteccons, Vinaconex, Ricons, Delta, Hòa Bình, Udic, Sơn Hải ..., tuy nhiên khi có yêu cầu gấp về tiến độ hoặc khi nhân lực không đủ đáp ứng với khối lượng công việc thì vẫn phải bổ sung lao động thời vụ.

**V**. **Dự báo cho kỳ tiếp theo**

Với mục tiêu tăng trưởng năm 2024 từ 6% - 6,5% như Nghị quyết Quốc hội, 6 tháng đầu năm tổng sản phẩm trong nướcGDP tăng 6,42%, dự báo 6 tháng cuối năm 2024 vẫn giữ mức tăng trưởng tốt như 6 tháng đầu năm.

6 tháng đầu năm ngành xây dựng tăng 7,34%, đây là mức tăng cao nhất so với cùng kỳ các năm trong giai đoạn 2020-2024, đóng góp 0,48 điểm phần trăm vào tốc độ tăng tổng giá trị tăng thêm toàn nền kinh tế, là động lực quan trọng góp phần sự tăng trưởng của nền kinh tế.

Với vai trò quan trọng của ngành xây dựng trong nền kinh tế, hàng loạt các dự án trọng điểm có mức đầu tư lớn về hạ tầng giao thông tiếp tục thực hiện, dòng vốn FDI đầu tư tăng so với cùng kỳ năm ngoái cũng như các tháng cuối năm việc đẩy nhanh giải ngân vốn đầu tư công là động lực thúc đẩy tăng trưởng của ngành xây dựng. Kỳ vọng trong năm 2024, ngành xây dựng có mức tăng trưởng vượt trội khoảng trên 8%, thị trường lao động ngành xây dựng có những bước tiến mới cả về chất lượng và thu nhập.

**VI. Kết luận và kiến nghị**

Trên cơ sở kết quả nghiên cứu, Viện Kinh tế xây dựng có báo cáo tình hình diễn biến thị trường nhân công xây dựng 6 tháng đầu năm 2024 như trên và có một số kiến nghị như sau:

- Bộ Lao động TBXH đề xuất Chính phủ điều chỉnh mức lương tối thiểu vùng tăng bình quân 6% từ ngày 01/7/2024, để theo kịp với mức tăng lương tối thiểu vùng, tiếp tục kiến nghị Bộ Xây dựng điều chỉnh khung đơn giá nhân công (cả mức tối thiểu và mức tối đa) trên cơ sở điều tra khảo sát mặt bằng tiền lương thực tế của thị trường hoặc có thể giao địa phương chủ trì phối hợp các ban ngành có liên quan trên cơ sở mặt bằng giá nhân công xây dựng, tình hình đầu tư xây dựng, tăng trưởng kinh tế vùng, tình hình cung cầu lao động trong lĩnh vực xây dựng tại địa phương, tham khảo giá nhân công đã công bố tại các địa phương lân cận… để xác định mức độ cần điều chỉnh mặt bằng giá nhân công đáp ứng yêu cầu quản lý của địa phương và phù hợp với yêu cầu của thị trường, không nhất thiết Bộ Xây dựng phải công bố khung đơn giá nhân công.

- Khuyến khích doanh nghiệp lớn ngành xây dựng đầu tư, tổ chức đào tạo rồi cung cấp lại lao động cho doanh nghiệp nhỏ.

- Khuyến khích thành lập các doanh nghiệp chuyên cung ứng lao động xây dựng cho thị trường.

- Kiến nghị các cơ quan có chức năng nghiên cứu chương trình đào tạo, định hướng lực lượng lao động cho nhà thầu xây dựng. Các nhà thầu phối hợp với các trường dạy nghề, đưa ra các yêu cầu để đào tạo công nhân cho mình và có cam kết sẽ sử dụng lao động đó.

- Đề xuất bổ sung các quy định về việc các gói thầu xây dựng phải sử dụng lao động có chứng chỉ nghề theo tỷ lệ nhất định.

- Cần thiết phát triển rộng rãi hơn hệ thống thông tin thị trường lao động, tăng cường kết nối cung cầu lao động trên thị trường giữa các địa phương, để các doanh nghiệp xây dựng tăng nguồn cung lao động giúp giảm chi phí, cũng như giúp người lao động sẽ có nhiều cơ hội lựa chọn tìm kiếm việc làm thích hợp.

1. - Nguồn: Tổng cục Thống Kê [↑](#footnote-ref-1)
2. - Nguồn: Tổng cục Thống Kê [↑](#footnote-ref-2)
3. - Nguồn: Tổng cục Thống Kê [↑](#footnote-ref-3)
4. 8- Nguồn: số liệu khảo sát của Viện Kinh tế xây dựng [↑](#footnote-ref-4)
5. 8 -Nguồn: số liệu khảo sát của Viện Kinh tế xây dựng [↑](#footnote-ref-5)
6. 9 -Nguồn: số liệu tính toán của Viện Kinh tế xây dựng [↑](#footnote-ref-6)
7. 12 -Nguồn: tham khảo TCTK [↑](#footnote-ref-7)